

## ĐỀ THI THỬ THPTQG MÔN HÓA

Mã đề 290112

**Câu 1.** Trong công nghiệp, để điều chế NaOH người ta điện phân dung dịch chất X (có màng ngăn). Chất X là

- A.  $\text{Na}_2\text{SO}_4$ .                      B.  $\text{NaNO}_3$ .                      C.  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ .                      D.  $\text{NaCl}$ .

**Câu 2.** Khí sinh ra trong trường hợp nào sau đây không gây ô nhiễm không khí ?

- A. Quá trình đun nấu, đốt lò sưởi trong sinh hoạt.  
B. Quá trình quang hợp của cây xanh.  
C. Quá trình đốt nhiên liệu trong động cơ ô tô.  
D. Quá trình đốt nhiên liệu trong lò cao.

**Câu 3.** Chất nào sau đây vừa phản ứng với dung dịch NaOH vừa phản ứng với dung dịch HCl?

- A.  $\text{AlCl}_3$ .                      B.  $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$ .                      C.  $\text{NaAlO}_2$ .                      D.  $\text{Al}_2\text{O}_3$ .

**Câu 4.** Oxit nào sau đây tác dụng với dung dịch HCl sinh ra hỗn hợp muối?

- A.  $\text{Al}_2\text{O}_3$ .                      B.  $\text{Fe}_3\text{O}_4$ .                      C.  $\text{CaO}$ .                      D.  $\text{Na}_2\text{O}$ .

**Câu 5.** Polime nào sau đây được tổng hợp bằng phản ứng trùng hợp?

- A. Polisaccarit.                      B. Poli (vinyl clorua).  
C. Poli (etylen terephthalat).                      D. Nilon-6,6.

**Câu 6.** Cho dung dịch  $\text{FeCl}_3$  tác dụng với dung dịch NaOH tạo thành kết tủa có màu

- A. nâu đỏ.                      B. trắng.                      C. xanh thẫm.                      D. trắng xanh.

**Câu 7.** Sản phẩm của phản ứng este hóa giữa ancol metylic và axit propionic là

- A. propyl propionat.                      B. metyl propionat.                      C. propyl fomat.                      D. metyl axetat.

**Câu 8.** Dung dịch chất nào sau đây không làm quỳ tím chuyển màu?

- A. Etylamin.                      B. Anilin.                      C. Metylamin.                      D. Trimetylamin.

**Câu 9.** Trong các kim loại: Al, Mg, Fe và Cu, kim loại có tính khử mạnh nhất là

- A. Cu.                      B. Mg.                      C. Fe.                      D. Al.

**Câu 10.** Chất nào sau đây không phản ứng với NaOH trong dung dịch?

- A. Gly-Ala.                      B. Glyxin.                      C. Metylamin.                      D. Metyl fomat.

**Câu 11.** Đá vôi là nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, được dùng làm vật liệu xây dựng, sản xuất vôi. Nung 100 kg đá vôi (chứa 80%  $\text{CaCO}_3$  về khối lượng, còn lại là tạp chất trơ) đến khối lượng không đổi, thu được m kg chất rắn. Giá trị của m là

- A. 80,0.                      B. 44,8.                      C. 64,8.                      D. 56,0.

**Câu 12.** Kim loại crom tan được trong dung dịch

- A.  $\text{HNO}_3$  (đặc, nguội).                      B.  $\text{H}_2\text{SO}_4$  (đặc, nguội).  
C. HCl (nóng).                      D. NaOH (loãng).

**Câu 13.** Cho 5 gam hỗn hợp X gồm Ag và Al vào dung dịch HCl dư. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 3,36 lít khí  $\text{H}_2$  (đktc). Phần trăm khối lượng của Al trong X là

- A. 54,0%.                      B. 49,6%.                      C. 27,0%.                      D. 48,6%.

**Câu 14.** Khử hoàn toàn 32 gam CuO thành kim loại cần vừa đủ V lít khí CO (đktc). Giá trị của V là

- A. 13,44.                      B. 8,96.                      C. 4,48.                      D. 6,72.

**Câu 15.** Cho hỗn hợp gồm  $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$  và  $\text{CH}_3\text{COONH}_4$  tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch NaOH 1M, thu được dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là

- A. 19,6.                      B. 9,8.                      C. 16,4.                      D. 8,2.

**Câu 16.** Cho hỗn hợp Zn và Fe vào dung dịch hỗn hợp  $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$  và  $\text{AgNO}_3$ , sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được hỗn hợp hai kim loại. Hai kim loại đó là

- A. Fe, Cu.                      B. Cu, Ag.                      C. Zn, Ag.                      D. Fe, Ag.

**Câu 17.** Hòa tan hoàn toàn 9,4 gam  $K_2O$  vào 70,6 gam nước, thu được dung dịch KOH có nồng độ x%. Giá trị của x là

- A. 14.                      B. 18.                      C. 22.                      D. 16.

**Câu 18.** Cho axit acrylic tác dụng với ancol đơn chức X, thu được este Y. Trong Y, oxi chiếm 32% về khối lượng. Công thức của Y là

- A.  $C_2H_3COOCH_3$ .      B.  $CH_3COOC_2H_5$ .      C.  $C_2H_5COOC_2H_3$ .      D.  $C_2H_3COOC_2H_5$ .

**Câu 19.** Cho dãy các chất sau: tripanmitin, axit aminoaxetic, Ala-Gly-Glu, etyl propionat. Số chất trong dãy có phản ứng với dung dịch NaOH (đun nóng) là

- A. 2.                      B. 4.                      C. 1.                      D. 3.

**Câu 20.** Phát biểu nào sau đây sai ?

- A. Protein là cơ sở tạo nên sự sống.  
B. Protein đơn giản là những chất có tối đa 10 liên kết peptit.  
C. Protein bị thủy phân nhờ xúc tác axit, bazơ hoặc enzym.  
D. Protein có phản ứng màu biure.

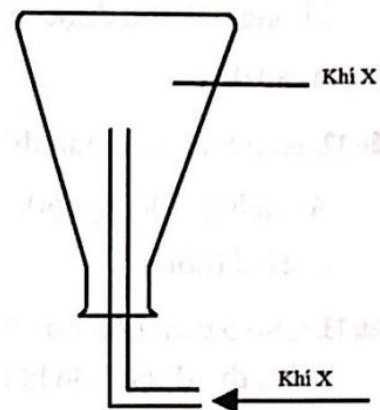
**Câu 21.** Xà phòng hóa hoàn toàn este X mạch hở trong dung dịch NaOH, thu được hỗn hợp các chất hữu cơ gồm:  $(COONa)_2$ ,  $CH_3CHO$  và  $C_2H_5OH$ . Công thức phân tử của X là

- A.  $C_6H_{10}O_4$ .              B.  $C_6H_{10}O_2$ .              C.  $C_6H_8O_2$ .              D.  $C_6H_8O_4$ .

**Câu 22.** Thực hiện thí nghiệm điều chế khí X, khí X được thu vào bình tam giác theo hình vẽ sau:

Thí nghiệm đó là:

- A. Cho dung dịch HCl vào bình đựng bột  $CaCO_3$ .  
B. Cho dung dịch  $H_2SO_4$  đặc vào bình đựng lá kim loại Cu.  
C. Cho dung dịch  $H_2SO_4$  loãng vào bình đựng hạt kim loại Zn.  
D. Cho dung dịch HCl đặc vào bình đựng tinh thể  $K_2Cr_2O_7$ .



**Câu 23.** Cho m gam bột sắt vào dung dịch  $\text{HNO}_3$ , sau khi phản ứng hoàn toàn, thu được 2,24 lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất của  $\text{N}^{+5}$ , ở đktc) và 2,4 gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 8,0.                      B. 10,8.                      C. 8,4.                      D. 5,6.

**Câu 24.** Hỗn hợp E gồm ba amin no, đơn chức. Đốt cháy hoàn toàn m gam E bằng  $\text{O}_2$ , thu được  $\text{CO}_2$ ,  $\text{H}_2\text{O}$  và 0,672 lít khí  $\text{N}_2$  (đktc). Mặt khác, để tác dụng với m gam E cần vừa đủ V ml dung dịch HCl 1M. Giá trị của V là

- A. 45.                      B. 60.                      C. 15.                      D. 30.

**Câu 25.** Điện phân (với điện cực trơ, cường độ dòng điện không đổi) dung dịch muối nitrat của một kim loại M (có hóa trị không đổi). Sau thời gian t giây, khối lượng dung dịch giảm 6,96 gam và tại catot chỉ thu được a gam kim loại M. Sau thời gian 2t giây, khối lượng dung dịch giảm 11,78 gam và tại catot thoát ra 0,224 lít khí (đktc). Giá trị của a là

- A. 8,64.                      B. 6,40.                      C. 6,48.                      D. 5,60.

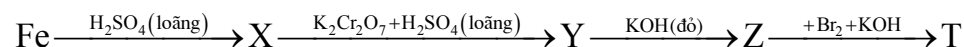
**Câu 26.** Cho các phát biểu sau:

- (a) Thủy phân vinyl axetat bằng NaOH đun nóng, thu được natri axetat và fomandehit.  
(b) Polietilen được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.  
(c) Ở điều kiện thường, anilin là chất khí.  
(d) Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit.  
(e) Thủy phân hoàn toàn anbumin thu được hỗn hợp  $\alpha$ -amino axit.  
(g) Ở điều kiện thích hợp, triolein tham gia phản ứng cộng  $\text{H}_2$ .

Số phát biểu đúng là

- A. 3.                      B. 2.                      C. 4.                      D. 5.

**Câu 27.** Cho sơ đồ chuyển hóa:



Biết các chất Y, Z, T là các hợp chất của crom. Các chất X, Y, Z, T lần lượt là

- A.  $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ ,  $\text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3$ ,  $\text{Cr}(\text{OH})_3$ ,  $\text{KCrO}_2$ .      B.  $\text{FeSO}_4$ ,  $\text{CrSO}_4$ ,  $\text{KCrO}_2$ ,  $\text{K}_2\text{CrO}_4$ .  
C.  $\text{FeSO}_4$ ,  $\text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3$ ,  $\text{KCrO}_2$ ,  $\text{K}_2\text{CrO}_4$ .      D.  $\text{FeSO}_4$ ,  $\text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3$ ,  $\text{Cr}(\text{OH})_3$ ,  $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ .

**Câu 28.** Cho 1 mol triglixerit X tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được 1 mol glixerol, 1 mol natri panmitat và 2 mol natri oleat. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Phân tử X có 5 liên kết  $\pi$ .  
B. Có 2 đồng phân cấu tạo thỏa mãn tính chất của X.  
C. Công thức phân tử chất X là  $\text{C}_{52}\text{H}_{96}\text{O}_6$ .  
D. 1 mol X làm mất màu tối đa 2 mol  $\text{Br}_2$  trong dung dịch.

**Câu 29.** Tiến hành các thí nghiệm sau:

- (a) Điện phân NaCl nóng chảy.  
(b) Điện phân dung dịch  $\text{CuSO}_4$  (điện cực trơ).  
(c) Cho mẫu K vào dung dịch  $\text{AlCl}_3$ .  
(d) Cho Fe vào dung dịch  $\text{CuSO}_4$ .  
(e) Cho Ag vào dung dịch HCl.  
(g) Cho Cu vào dung dịch hỗn hợp  $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$  và  $\text{NaHSO}_4$ .

Số thí nghiệm thu được chất khí là

- A. 4.      B. 5.      C. 2.      D. 3.

**Câu 30.** Cho 1 mol chất X ( $\text{C}_9\text{H}_8\text{O}_4$ , chứa vòng benzen) tác dụng hết với NaOH dư, thu được 2 mol chất Y, 1 mol chất Z và 1 mol  $\text{H}_2\text{O}$ . Chất Z tác dụng với dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng thu được chất hữu cơ T. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Chất T tác dụng với NaOH theo tỉ lệ mol 1 : 2.  
B. Chất Y có phản ứng tráng bạc.  
C. Phân tử chất Z có 2 nguyên tử oxi.

D. Chất X tác dụng với NaOH theo tỉ lệ mol 1 : 3.

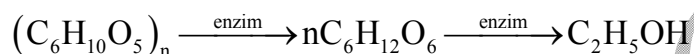
Câu 31. Cho các phát biểu sau:

- (a) Tất cả các peptit đều có phản ứng màu biure.
- (b) Muối phenylamoni clorua không tan trong nước.
- (c) Ở điều kiện thường, metylamin và đimetylamin là những chất khí.
- (d) Trong phân tử peptit mạch hở Gly-Ala-Gly có 4 nguyên tử oxi.
- (e) Ở điều kiện thường, amino axit là những chất lỏng.

Số phát biểu đúng là

- A. 2.                                      B. 4.                                      C. 5.                                      D. 3.

Câu 32. Ancol etylic được điều chế bằng cách lên men tinh bột theo sơ đồ:

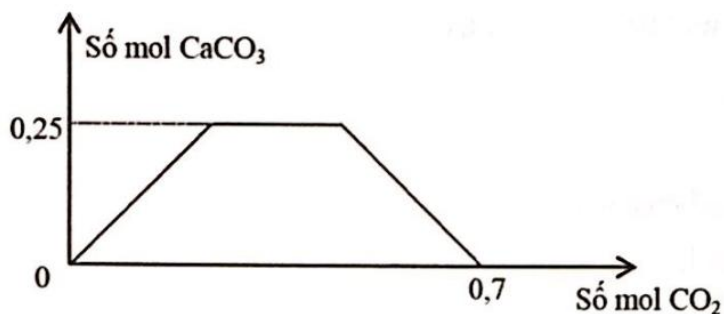


Để điều chế 10 lít ancol etylic 46° cần m kg gạo (chứa 75% tinh bột, còn lại là tạp chất tro). Biết hiệu suất của cả quá trình là 80% và khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất là 0,8 g/ ml.

Giá trị của m là

- A. 3,600.                                      B. 6,912.                                      C. 10,800.                                      D. 8,100.

Câu 33. Sục từ từ khí CO<sub>2</sub> đến dư vào dung dịch gồm a mol NaOH và b mol Ca(OH)<sub>2</sub>. Sự phụ thuộc của số mol kết tủa CaCO<sub>3</sub> vào số mol CO<sub>2</sub> được biểu diễn theo đồ thị sau:



Tỉ lệ a : b tương ứng là

- A. 4 : 5.                                      B. 2 : 3.                                      C. 5 : 4.                                      D. 4 : 3.

**Câu 34.** Este X đơn chức, trong phân tử chứa vòng benzen; trong X, tỉ lệ khối lượng của các nguyên tố là  $m_C : m_H : m_O = 12 : 1 : 4$ . Số đồng phân cấu tạo thỏa mãn của X là

- A. 3.                      B. 5.                      C. 6.                      D. 4.

**Câu 35.** Điện phân dung dịch NaCl (điện cực trơ, màng ngăn xốp), thu được dung dịch X. Hấp thụ  $\text{CO}_2$  dư vào X, thu được dung dịch chất Y. Cho Y tác dụng với  $\text{Ca(OH)}_2$  theo tỉ lệ mol 1:1, tạo ra chất Z tan trong nước, chất Z là

- A.  $\text{Ca(HCO}_3)_2$ .              B.  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ .              C. NaOH.              D.  $\text{NaHCO}_3$ .

**Câu 36.** Cho 5 chất: NaOH, HCl,  $\text{AgNO}_3$ ,  $\text{HNO}_3$ ,  $\text{Cl}_2$ . Số chất tác dụng được với dung dịch  $\text{Fe(NO}_3)_2$  là

- A. 5.                      B. 2.                      C. 3.                      D. 4.

**Câu 37.** Hỗn hợp T gồm 2 este đơn chức X, Y ( $M_X < M_Y$ ). Đun nóng 15 gam T với một lượng dung dịch NaOH vừa đủ, thu được m gam hỗn hợp Z gồm 2 ancol (có phân tử khối hơn kém nhau 14u) và hỗn hợp hai muối. Đốt cháy m gam Z, thu được 9,408 lít  $\text{CO}_2$  (đktc) và 10,8 gam  $\text{H}_2\text{O}$ . Phần trăm khối lượng của X trong T là

- A. 59,2%.                      B. 40,8%.                      C. 70,4%.                      D. 29,6%.

**Câu 38.** Hấp thụ hết 4,48 lít khí  $\text{CO}_2$  (đktc) vào dung dịch chứa x mol KOH và y mol  $\text{K}_2\text{CO}_3$ , thu được 200 ml dung dịch X. Cho từ từ đến hết 100 ml dung dịch X vào 300 ml dung dịch HCl 0,5M, thu được 2,688 lít khí (đktc). Mặt khác, cho 100 ml dung dịch X tác dụng với dung dịch  $\text{Ba(OH)}_2$  dư, thu được 39,4 gam kết tủa. Giá trị của X là

- A. 0,10.                      B. 0,20.                      C. 0,05.                      D. 0,30.

**Câu 39.** Hỗn hợp E gồm 3 chất: X (là este của amino axit); Y và Z là hai peptit mạch hở, hơn kém nhau một nguyên tử nitơ (đều chứa ít nhất hai loại gốc amino axit,  $M_Y < M_Z$ ). Cho 36 gam E tác dụng vừa đủ với 0,44 mol NaOH, thu được 7,36 gam ancol no, đơn chức, mạch hở và 45,34 gam ba muối của glyxin, alanin, valin (trong đó có 0,1 mol muối của alanin). Mặt khác, đốt cháy hoàn

toàn 36 gam E trong  $O_2$  dư, thu được  $CO_2$ ,  $N_2$  và 1,38 mol  $H_2O$ . Phần trăm khối lượng của Y trong E là

- A. 18,39%.                      B. 20,72%.                      C. 27,58%.                      D. 43,33%.

**Câu 40.** Hòa tan hết hỗn hợp X gồm 5,6 gam Fe; 27 gam  $Fe(NO_3)_2$  và m gam Al trong dung dịch chứa 0,61 mol HCl. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch Y chỉ chứa 47,455 gam muối trung hòa và 2,352 lít (đktc) hỗn hợp khí Z gồm NO và  $N_2O$ . Tỉ khối của Z so với  $H_2$  là 16. Giá trị của m là

- A. 1,080.                      B. 4,185.                      C. 5,400.                      D. 2,160.